

KHOA HỌC CÔNG NGHỆ VỚI PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP, NÔNG THÔN Ở THÁI NGUYÊN - THỰC TRẠNG VÀ GIẢI PHÁP

PGS.TS. Tô Đức Hạnh
Đại học Kinh tế Quốc dân

Thái Nguyên là một tỉnh trung du miền núi phía Bắc, giá trị nông nghiệp còn chiếm tỷ trọng khá cao trong GDP; dân cư chủ yếu cư trú ở nông thôn; nông nghiệp vẫn luôn được quan tâm phát triển. Vì vậy khoa học- công nghệ phục vụ cho phát triển nông nghiệp, nông thôn cũng được tập trung và thực hiện tốt. Trong thời gian qua khoa học- công nghệ đã có vai trò lớn đóng góp cho sự phát triển lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn. Tuy nhiên trong quá trình đó cũng còn bộc lộ những bất cập, cần nghiên cứu, xem xét kỹ lưỡng, tìm ra những giải pháp hữu hiệu để khắc phục, góp phần thúc đẩy phát triển nông nghiệp, nông thôn và phát triển kinh tế- xã hội tỉnh Thái Nguyên những năm tới. Bài viết này sẽ tập trung làm rõ những vấn đề trên.

1. Thực trạng phát triển khoa học- công nghệ phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn ở tỉnh Thái Nguyên

Thái Nguyên là một tỉnh trung du miền núi phía Bắc, về kinh tế so với các tỉnh miền núi phía Bắc nói chung có phát triển hơn, nhưng so với các tỉnh đồng bằng thì còn thua kém khá nhiều. Biểu hiện như: lao động nông nghiệp, nông thôn là chủ yếu; lao động chưa qua đào tạo còn chiếm tỷ lệ cao trong tổng lực lượng lao động của toàn Tỉnh, đặc biệt ở các huyện miền núi thì tỷ lệ này quá cao so với mức trung bình của cả nước. Cơ cấu kinh tế ngành trong GDP của Thái Nguyên năm 2011: nông- lâm- thủy sản là 21,28%; công nghiệp và xây dựng là 41,77%; dịch vụ là 36,95% .

Là tỉnh trung du, miền núi phía Bắc, nông nghiệp vẫn có vai trò quan trọng trong đời sống kinh tế- xã hội của tỉnh Thái Nguyên. Vì vậy, Thái Nguyên luôn quán triệt tốt quan điểm của Đảng về: phát triển nông- lâm- ngư nghiệp toàn diện theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa gắn với giải quyết tốt vấn đề nông dân, nông thôn. Phát triển nông nghiệp toàn diện theo hướng hiện đại, hiệu quả, bền vững. Trên cơ sở tích tụ đất đai, đẩy mạnh cơ giới hóa, áp dụng công nghệ hiện đại; phát triển lâm nghiệp toàn diện, bền vững, trong đó chú trọng cả rừng sản xuất, rừng phòng hộ và rừng đặc dụng; phát triển mạnh nuôi trồng thủy sản đa dạng theo quy hoạch, phát huy lợi thế từng vùng gắn với thị trường; coi trọng hình thức nuôi công nghiệp, thâm canh là chủ yếu; xây dựng nông thôn mới, gắn với đặc điểm của từng vùng...

Với tinh thần đó và căn cứ vào đặc điểm, điều kiện cụ thể của Tỉnh, những năm gần đây Thái

Nguyên luôn quan tâm chú ý nghiên cứu, triển khai, ứng dụng khoa học- công nghệ gắn với phát triển kinh tế- xã hội, đặc biệt là đối với lĩnh vực phát triển nông nghiệp, nông thôn. Điều này được thể hiện thông qua số lượng các đề tài, dự án phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn luôn chiếm tỷ lệ cao so với tổng số các đề tài, dự án về khoa học- công nghệ của Tỉnh và theo đó kinh phí cho nghiên cứu, ứng dụng khoa học- công nghệ trong lĩnh vực này cũng luôn chiếm tỷ lệ cao trong tổng số kinh phí nghiên cứu, ứng dụng khoa học- công nghệ của Tỉnh qua các năm.

Trong 4 năm, từ năm 2006- 2009, tổng số các đề tài, dự án được UBND tỉnh phê duyệt và được triển khai là 118, trong đó đã có 69 đề tài, dự án thuộc lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn, chiếm hơn 58%; và chiếm trên 67% tổng kinh phí cho hoạt động triển khai các đề tài, dự án của tỉnh trong thời gian này.

Năm 2010, tổng số các đề tài, dự án khoa học- công nghệ trong tất cả các lĩnh vực (5 lĩnh vực) là 31 với tổng kinh phí 8080,631 triệu VND, trong đó các đề tài, dự án khoa học- công nghệ phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn đã là 15, chiếm trên 48% tổng số các đề tài, dự án; với kinh phí cho lĩnh vực này là 4042,464 triệu VND, chiếm 50,02% tổng kinh phí của các đề tài dự án trong năm.

Các đề tài dự án thực hiện trong năm 2010 phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn tập trung nghiên cứu, chuyển giao công nghệ một số giống cây trồng vật nuôi có chất lượng, năng suất và hiệu quả cao, thích ứng với điều kiện Thái Nguyên, như: một số giống lúa lai, lúa thuần mới, nếp cái hoa vàng,... giống cá Chày mắt đỏ, cá Tầm, cá Hôi; giống khoai tây Atlantic và Marabel.

Bảng 1: Các đề tài dự án KH và CN thực hiện năm 2010 theo lĩnh vực

Lĩnh vực	Chỉ tiêu	Số đề tài, dự án	Thời gian thực hiện (số năm)				Kinh phí	
			1 năm	2 năm	3 năm	4 năm	Triệu đồng	Tỷ lệ (%)
1	Nông nghiệp	15	1	8	3	3	4.042,464	50,04
2	Xã hội	6		3	3		1.268,233	15,69
3	Tự nhiên	5		5			1.888,513	23,37
4	Nhân văn	4		4			731,984	9,05
5	Y-Dược	1			1		149,437	1,85
	Tổng cộng	31	1	20	7	3	8.080,631	100

Nguồn: Báo cáo của sở Khoa học và công nghệ tỉnh Thái Nguyên

Năm 2011, tổng số các đề tài, dự án khoa học-công nghệ được UBND tỉnh phê duyệt và thực hiện triển khai là 38 (bao gồm 5 lĩnh vực: khoa học nông nghiệp, tự nhiên, Y – Dược, xã hội và khoa học nhân văn), trong đó các đề tài, dự án thuộc lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn là 23, chiếm 60,53% tổng các đề tài, dự án. Tổng kinh phí các đề tài, dự án khoa học-công nghệ của tỉnh năm 2011 là 9690,6 triệu đồng, trong đó kinh phí của các đề tài, dự án khoa học phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn là 5954,6 triệu đồng, chiếm 61,45%

Các đề tài, dự án khoa học- công nghệ phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn năm 2011 của tỉnh Thái Nguyên tập trung nghiên cứu, chuyển giao công nghệ và quy trình kỹ thuật cả lĩnh vực chăn nuôi, trồng trọt, lâm nghiệp và nuôi trồng thủy sản, bao gồm: nghiên cứu, sản xuất, thử nghiệm các giống lúa mới năng suất và chất lượng cao; ứng dụng tiến bộ kỹ thuật mới cả trong hồ vừa và nhỏ, công nghệ sản xuất giống cá rô phi đơn tính đực; xây dựng quy trình kỹ thuật chăm sóc- chế biến- bảo quản thương mại chè Tân Cương; ứng dụng công nghệ trồng hoa chất lượng cao, trồng khoai tây, khoai lang giống mới, mô hình chọn lọc, cải tạo phát triển đàn trâu thịt; mô hình chăn nuôi lợn rừng lai; lợn rừng Thái Lan lai; mô hình cải tạo rừng tự nhiên nghèo kiệt...

Năm 2012, các đề tài, đề án thực hiện trên tất cả các lĩnh vực với tổng số các đề tài, dự án là 30, trong đó các đề tài, dự án phục vụ phát triển nông nghiệp

và nông thôn là 13, chiếm 43% tổng các đề tài, dự án của toàn tỉnh. Tổng kinh phí cho tất cả các đề tài, dự án của năm là 7750 triệu VNĐ trong đó kinh phí cho các đề tài, dự án thuộc lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn là 4300 triệu VNĐ, chiếm 55,48%.

Các đề tài, dự án phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn trong năm 2012 cũng tập trung vào các vấn đề: tuyển chọn đánh giá giống lúa đặc sản mới; thâm canh một số giống chè mới chất lượng cao; mô hình diễn một số giống lúa lai mới; mô hình ứng dụng giống cà chua chịu nhiệt mới; ứng dụng công nghệ sản xuất giống nầm theo phương pháp mới; phương pháp cấy mô chuối tiêu hồng nhân; sản xuất phân làm tăng hoạt tính sinh học đất; xây dựng mô hình quy trình, công nghệ chăn nuôi lợn, gà an toàn; dự án nhân rộng các mô hình...

Như vậy, trong giai đoạn 2010 – 2012 khoa học-công nghệ tỉnh Thái Nguyên phát triển tương đối mạnh cả về số lượng các đề tài, dự án; số lượng các tổ chức cá nhân tham gia và cả về kinh phí cho khoa học- công nghệ nhất là trong lĩnh vực phục vụ, phát triển nông nghiệp nông thôn.

Ngoài ra, giai đoạn 2010- 2012 còn có 07 đề tài, dự án KH và CN cấp nhà nước phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn tỉnh Thái Nguyên (thuộc chương trình nông thôn miền núi; chương trình 68) với tổng kinh phí là 10.444,469 triệu VNĐ, trong đó kinh phí từ Trung ương là 7.012 triệu, chiếm 67,14% và kinh phí của Tỉnh là 3.432,469 triệu,

Bảng 2: Các đề tài, dự án KH và CN thực hiện năm 2011 theo lĩnh vực

Lĩnh vực	Chỉ tiêu	Số đề tài, dự án	Thời gian thực hiện		Kinh phí	
			1 năm	2 năm	Triệu đồng	Tỷ lệ (%)
1	Nông nghiệp	23	17	6	5954,6	61,45
2	Xã hội	2		2	1868	19,28
3	Tự nhiên	6	6		1258	12,98
4	Nhân văn	1	1		100	1,03
5	Y- Dược	6	2	4	510	5,26
	Tổng số	38	26	12	9690,6	100

Nguồn: báo cáo của Sở KH và CN tỉnh Thái Nguyên

Bảng 3: Các đề tài, dự án KH và CN thực hiện năm 2012 theo lĩnh vực

Lĩnh vực	Chi tiêu	Số đề tài, dự án	Thời gian thực hiện		Kinh phí	
			1 năm	2 năm	Triệu đồng	Tỷ lệ(%)
1. Nông nghiệp		13	1	12	4300	55,48
2. Công nghiệp		3		3	550	7,1
3. Xã hội		5	1	4	1100	14,19
4. Tài nguyên môi trường		3		3	700	9,03
5. Công nghệ thông tin		2		2	300	3,87
6. Y- Dược		4	3	1	800	10,32
Tổng số		30	5	25	7750	100

Nguồn: báo cáo của Sở KH và CN tỉnh Thái Nguyên

chiếm 32,86%.

Các đề tài cấp nhà nước tập trung nghiên cứu vào các vấn đề: sản xuất- chế biến miến dong chất lượng cao; sản xuất chè an toàn, đặc sản chất lượng cao; ứng dụng công nghệ nhân giống keo tai tượng nhập từ Úc, ứng dụng tiến bộ công nghệ sản xuất hoa chất lượng cao; xây dựng mô hình chăn nuôi tập trung đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm...

2. Đánh giá về khoa học và công nghệ phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn ở tỉnh Thái Nguyên

2.1. Những kết quả đạt được:

Một là, sự phát triển khoa học và công nghệ tỉnh đã bám sát và góp phần đáng kể trong phát triển kinh tế- xã hội của tỉnh, đạt được những thành tựu đáng kể trong năm 2011: tăng trưởng kinh tế của tỉnh (GDP) 9,63%, mặc dù mức này cao hơn nhiều so với mức chung của cả nước, tuy nhiên vẫn không đạt được kế hoạch đề ra (12%); giá trị công nghiệp đạt 13.200 tỷ đồng, tăng 13,7% so với năm 2010; giá trị nông – lâm- thủy sản đạt 2.560 tỷ đồng, tăng 4,34% so với năm 2010; xuất khẩu đạt 134,2 triệu USD, tăng 35,7% so với năm 2010. Cơ cấu kinh tế ngành trong GDP đã có sự chuyển dịch theo hướng tiến bộ: tỷ trọng nông – lâm – thủy sản là 21,76% (năm 2010) đã giảm xuống còn 21,28% (năm 2011); công nghiệp và xây dựng là 41,32% (năm 2010) tăng lên 41,77% (năm 2011); dịch vụ là 36,92 (năm 2010) tăng lên 36,95 (năm 2011).

Hai là, các đề tài, dự án khoa học- công nghệ đã góp phần thúc đẩy nhanh sự chuyển dịch nông nghiệp của Tỉnh từ nông nghiệp truyền thống sang

nông nghiệp sản xuất hàng hóa; góp phần chuyển giao những công nghệ mới nhất về nông nghiệp, góp phần làm tăng hiệu quả kinh tế trong sản xuất nông nghiệp; tạo công ăn việc làm, nâng cao thu nhập rõ rệt cho một bộ phận nhân dân trong vùng dự án. Góp phần thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu cây trồng ở một số địa phương trong Tỉnh từ trồng vườn tạp trước đây sang vườn chuyên canh trồng các cây có năng suất chất lượng và hiệu quả cao. Mặt khác các đề tài, dự án khoa học- công nghệ phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn còn thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu lao động nông thôn: từ lao động thuần trồng lúa trước đây sang trồng các cây trồng khác, như: chè, hoa, khoai tây, chuối, gấc...

Tuyên truyền, tập huấn, đào tạo nhân lực, chuyển giao tiến bộ khoa học- kỹ thuật cho các hộ nông dân. Bước đầu thay đổi được tập quán sản xuất nhỏ, lạc hậu của nông dân; khuyến khích được nhu cầu của người nông dân về chuyển giao, ứng dụng các quy trình kỹ thuật trong việc tạo ra sản phẩm hàng hóa có chất lượng cao.

Ngoài ra các đề tài, dự án khoa học còn góp phần quan trọng trong phát triển hệ thống hạ tầng nông thôn, như: phát triển kênh, mương tưới tiêu nước; phát triển giao thông nông thôn theo hướng bê tông hóa kiên cố trên cơ sở thu nhập của nông dân do ứng dụng tiến bộ khoa học- công nghệ đem lại, do đó bộ mặt nông thôn không ngừng thay đổi và khởi sắc.

Ba là, các đề tài, dự án khoa học đã góp phần hình thành các vùng sản xuất hàng hóa có hàm lượng khoa học- công nghệ cao, như:

Bảng 4: Bảng tổng hợp các đề tài dự án KH và CN cấp tỉnh giai đoạn 2010- 2012

Năm	Lĩnh vực	Tự nhiên	Xã hội	Nhân văn	Nông nghiệp	CN-Công nghệ-MT	Y- Dược	Tổng số	Kinh phí(triệu VND)
2010		5	6	4	15		1	31	8080,631
2011		6	2	1	23		6	38	9690,6
2012			5		13	8	4	30	7750

Nguồn: Tổng hợp từ Báo cáo của Sở KH và CN tỉnh Thái Nguyên

Vùng sản xuất và chế biến chè: trồng thử nghiệm một số giống chè mới: giống Ôlong, Kim Tuyên, Thúy Ngọc với tổng diện tích là 50 ha, giá trị tăng thêm 30 triệu đồng/ha so với giống cũ. Mở rộng vùng sản xuất chè hữu cơ đặc sản Tân Cương; kỹ thuật trồng, chăm sóc - chế biến - bảo quản - thương mại chè Tân Cương với tổng kinh phí thực hiện: 2.890.640.000 đồng. Việc triển khai các đề tài, dự án trên nhằm đưa các giống chè mới có năng suất và chất lượng cao vào sản xuất để tạo ra sản phẩm chè có chất lượng phục vụ cho xuất khẩu.

Vùng sản xuất lúa giống: sản xuất giống lúa nguyên chủng trên địa bàn huyện Phổ Yên, tổng kinh phí thực hiện: 1.566.248.000 đồng; ứng dụng công nghệ sản xuất giống lúa nguyên chủng tại huyện Đại Từ, kinh phí thực hiện: 590.614.000 đồng; tổ chức sản xuất hạt giống lúa lai tại huyện Phú Lương, kinh phí: 285.306.000 đồng. Với việc triển khai các dự án trên bước đầu đã giúp người dân địa phương làm chủ được quy trình kỹ thuật sản xuất hạt giống lúa phục vụ cho nhu cầu về giống lúa của người dân địa phương. Nhằm bổ sung các giống lúa mới có năng suất chất lượng cao vào cơ cấu giống cây trồng của Tỉnh; dự án sản xuất giống lúa PC6; dự án thâm canh một số giống lúa lai, lúa thuần mới trên địa bàn huyện Phú Bình... với tổng kinh phí thực hiện: 1.296.780.000 đồng.

Vùng sản xuất khoai tây: dự án sản xuất khoai tây theo hướng hàng hóa; dự sản xuất khoai tây giống Atlantic và Marabel; dự án NTMN ứng dụng tiến bộ kỹ thuật sản xuất khoai tây giống và thương phẩm, tổng kinh phí thực hiện các dự án này là 6.195.088.000 đồng. Tổng diện tích thực hiện trên 147 ha từ năm 2007 đến nay. Địa điểm triển khai tập trung chủ yếu vào 4 huyện: Phổ Yên, Đại Từ, Đồng Hỷ và Định Hóa. Sản lượng khoai tây đạt từ 8.75-13,8 tấn/ha năm 2007-2008; đến năm 2011 sản lượng khoai tây đã tăng 18-22 tấn/ha. Tổ chức 22 lớp tập huấn, trung bình mỗi lớp tập huấn 50 người. Ngoài ra còn thu hút các hộ dân bên ngoài vùng dự án tham gia. Qua sơ bộ hạch toán chi phí cho thấy, trồng khoai tây ở mức đầu tư ban đầu lớn hơn so với trồng ngô là 707.000 đồng/sào, nhưng đem lại hiệu quả kinh tế cao hơn so với trồng ngô. Trừ chi phí một sào Bắc Bộ cho thu lãi gần 1.200.000đ, cao hơn so với trồng ngô là 773.000đ/sào. Mặt khác, cây khoai tây có thời gian sinh trưởng (82- 90 ngày) ngắn hơn cây ngô, nên có thể tranh thủ được thời vụ. Mô hình trồng thâm canh cây khoai tây năm 2011 đã ứng dụng những tiến bộ kỹ thuật mới vào sản xuất cho năng suất, chất lượng cao. Không những tạo ra sản phẩm khoai tây hàng hóa có giá trị kinh tế cao mà còn đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm, làm

tăng thu nhập cho người nông dân.

Xây dựng vùng sản xuất hoa: từ năm 2010 đến tháng 4/2012 các đề tài, dự án sản xuất hoa thực phẩm với diện tích 8 ha được triển khai tập trung ở các địa bàn: thành phố Thái Nguyên, huyện Đồng Hỷ, Định Hóa và Phổ Yên, với tổng kinh phí thực hiện là hơn 3,3 tỷ đồng. Các đề tài, dự án tập trung vào các loại hoa: hoa Lily, Đào, Đồng Tiền, Loa Kèn, Cúc...

Về hiệu quả kinh tế: hoa Lily trung bình thu nhập 31 triệu đồng/ha; hoa Đồng Tiền 3 triệu đồng/100m²; hoa Loa Kèn 5 triệu đồng/100m²; hoa Cúc giống và Cúc thương phẩm 16 triệu đồng/ha... Ngoài ra các đề tài, dự án về sản xuất hoa đã tổ chức tập huấn cho hơn 500 hộ dân về kỹ thuật trồng và chăm sóc hoa thương phẩm đã mang lại hiệu quả kinh tế- xã hội cao cho người dân. Các đề tài, dự án hoa hầu như đã thu hút được những lao động nhàn rỗi trong vùng, tăng thu nhập cho người lao động và góp phần thực hiện có kết quả chủ trương chuyển đổi cơ cấu cây trồng của Đảng và Nhà nước. Góp phần nâng cao nhận thức của người nông dân về sản xuất nông nghiệp theo phương thức công nghiệp, giúp người dân sớm tiếp thu, ứng dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật tiên tiến trong và ngoài nước. Tạo dựng các mối liên kết giữa bốn nhà: “khoa học, quản lý, doanh nghiệp và nhà nông”, để từ đó khép kín quy trình sản xuất giống hoa, hoa thương phẩm, thu hái, bảo quản và tiêu thụ hoa, làm tăng hiệu quả sản xuất và hiệu quả kinh doanh.

Ngoài ra còn triển khai thử nghiệm trồng chuỗi thương phẩm 10 ha ở xã Yên Ninh, huyện Phú Lương lãi tới 40 triệu đồng/ha; trồng thử nghiệm 15ha giống Gấc mới thu hút 200 hộ gia đình tham gia, năng suất đạt từ 25- 30 tấn/ha, giá trị đạt từ 50-60 triệu đồng/ha/năm...

2.2. Những tồn tại, hạn chế và nguyên nhân

Thứ nhất, các đề tài, dự án khoa học- công nghệ phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn về số lượng thì lớn, đã tập trung vào ứng dụng và chuyển giao công nghệ vào hoạt động của sản xuất và đời sống. Như vậy, các đề tài, dự án trong lĩnh vực này đã luôn hoàn thành tốt, đảm bảo đúng mục tiêu. Nhưng trong quá trình thực hiện, ứng dụng vào thực tiễn sản xuất và đời sống thì còn những đề tài, dự án hiệu quả chưa cao.

Nguyên nhân là do, có những đề tài, dự án chưa giải quyết đúng vấn đề cần thiết đặt ra trong sản xuất và đời sống. Nghĩa là xác định tính cấp thiết và ý nghĩa của đề tài chưa thật rõ, chưa sát với nhu cầu đòi hỏi bức thiết của thực tiễn đặt ra. Hơn nữa, có những đề tài về giải pháp, quy trình, cách thức chưa

chặt chẽ, khoa học. Nguồn kinh phí cho các đề tài, dự án còn thấp.

Thứ hai, các đề tài, dự án có chất lượng và được hội đồng nghiệm thu đánh giá tốt, đáp ứng được yêu cầu đòi hỏi bức thiết của sản xuất và đời sống đặt ra, nhưng những đề tài, dự án đó vẫn không được nhân rộng. Có thể nói, đây là tồn tại lớn nhất mà xã hội đang quan tâm, cần tập trung giải quyết để hoạt động khoa học của Tỉnh hoạt động có hiệu quả và phát triển gắn với phát triển kinh tế- xã hội của địa phương.

Nguyên nhân: một là, một số đề tài, dự án đáp ứng đúng nhu cầu sản xuất, đời sống đặt ra và có hiệu quả kinh tế- xã hội rõ rệt, nhưng địa phương chưa đủ nguồn lực để nhân rộng, phát triển. Hai là, do chưa có sự phối hợp chặt chẽ, khoa học giữa Sở Khoa học và Công nghệ với các sở, ban, ngành, các cơ quan trung ương trên địa bàn Tỉnh và UBND cấp huyện...

Thứ ba, các mô hình ứng dụng, các dự án chuyển giao công nghệ phần lớn chỉ được thực hiện triển khai ở các địa điểm gần trung tâm, thuận tiện về giao thông và có điều kiện tự nhiên và xã hội tốt, còn ở những điểm xa xôi, khó khăn về điều kiện tự nhiên, xã hội, giao thông... thì hầu như là bị bỏ trống. Như vậy, việc triển khai ứng dụng tiến bộ kỹ thuật, công nghệ vào sản xuất và đời sống chưa được thực hiện đồng đều trên toàn địa bàn của Tỉnh.

Nguyên nhân là do chưa có cơ chế tài chính đặc thù cho hoạt động nghiên cứu và triển khai ứng dụng tiến bộ khoa học- công nghệ ở những địa bàn khó khăn về tự nhiên, kinh tế, xã hội.

3. Giải pháp phát triển khoa học- công nghệ phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn của tỉnh Thái Nguyên

Để phát triển khoa học- công nghệ phục vụ phát triển nông nghiệp nông thôn của tỉnh trong thời gian tới đòi hỏi phải thực hiện đồng bộ các nhóm giải pháp cơ bản sau:

3.1. Tạo lập môi trường kinh tế- xã hội cho phát triển khoa học và công nghệ của Tỉnh

Khoa học- công nghệ phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn muốn phát triển được thì phải có một môi trường kinh tế- xã hội thuận lợi để tạo điều kiện cho nó phát triển. Muốn có môi trường thuận lợi thì phải tạo lập ra nó. Tạo lập môi trường kinh tế- xã hội cho khoa học- công nghệ phát triển phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn bao gồm:

Thứ nhất là, tăng cường tuyên truyền, nâng cao nhận thức của cộng đồng xã hội về vai trò của khoa học và công nghệ. Đây là giải pháp quan trọng cho

phát triển khoa học- công nghệ. Vì nếu cộng đồng xã hội không nhận thức được vai trò, vị trí của khoa học- công nghệ thì khoa học- công nghệ không thể phát triển được; bởi lẽ mục đích của phát triển khoa học- công nghệ là phục vụ cho thực tiễn sản xuất và đời sống, góp phần tăng năng suất lao động xã hội, nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả của sản xuất kinh doanh... Vậy, phải nhận thức đúng vai trò, vị trí của khoa học- công nghệ, thì khoa học- công nghệ mới có môi trường phát triển.

Thứ hai là, thực hiện nhất quán các chính sách phát triển khoa học- công nghệ. Cần tạo ra sự nhất quán trong hệ thống chính sách về phát triển khoa học- công nghệ; phải có sự phối hợp thống nhất, chặt chẽ giữa các cơ quan hoạch định chính sách của Trung ương với các cơ quan hướng dẫn thực thi các chính sách của địa phương, làm cho các chính sách phát triển khoa học- công nghệ của Nhà nước luôn phát huy được tác dụng tại địa phương; không xảy ra tình trạng chây ỳ, chông chéo, dẫn đến các chính sách của Nhà nước không vào được cuộc sống.

Thứ ba là, khuyến khích phát triển nhu cầu về khoa học- công nghệ trong nông nghiệp, nông thôn. UBND các cấp huyện, xã, phường phải tổ chức, xây dựng và thực thi các biện pháp cụ thể nhằm khuyến khích các tổ chức, cá nhân, các HTX, hộ gia đình có nhu cầu ứng dụng về khoa học- công nghệ vào hoạt động sản xuất, kinh doanh và đời sống của mình. Các nhu cầu đó có thể thông qua các hợp đồng giữa các đơn vị, tổ chức, tập thể, cá nhân, hộ gia đình với các cơ quan nghiên cứu, ứng dụng, chuyển giao tiến bộ kỹ thuật mới vào hoạt động sản xuất nông nghiệp. Như vậy, đôi bên đều có lợi và các hoạt động khoa học- công nghệ mới gắn và thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội ở địa phương.

Đổi mới cơ chế quản lý hoạt động khoa học- công nghệ

Thứ nhất là, đổi mới cơ chế quản lý khoa học và công nghệ phù hợp với đặc thù của nông nghiệp, nông thôn và đặc thù của Tỉnh.

Đẩy mạnh phân công quản lý nhà nước về khoa học- công nghệ cho các sở, ban, ngành, các huyện, thị trong tỉnh. Tăng cường vai trò tư vấn, tham mưu của Hội đồng khoa học- công nghệ thuộc các sở, ban, ngành cho việc ra quyết định lựa chọn các định hướng ưu tiên, phát triển, tuyên chọn các dự án, các đề tài thực sự cần thiết cho nhu cầu thực tế, phát triển nông nghiệp, nông thôn ở các địa phương. Thẩm định và đánh giá thật khách quan, khoa học, nghiêm túc chất lượng các đề tài, dự án khoa học- công nghệ, phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn.

Thứ hai là, đổi mới cơ chế lập kế hoạch phát triển khoa học- công nghệ, nông nghiệp, nông thôn của Tỉnh phải được xây dựng trên cơ sở các định hướng chiến lược gắn liền với các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của Tỉnh nói chung và mục tiêu phát triển nông nghiệp, nông thôn của Tỉnh nói riêng. Phải thu hút được đông đảo các nhà khoa học và cộng đồng xã hội cùng tham gia. Các sở, ban, ngành trong Tỉnh phải chủ động xây dựng và lập kế hoạch thực hiện các nhiệm vụ khoa học- công nghệ của ngành mình theo định hướng mục tiêu của Tỉnh. Thông qua quan hệ cung cầu trên thị trường khoa học- công nghệ và dựa vào nhu cầu thực tiễn đòi hỏi và mục tiêu, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của Tỉnh trong mỗi thời kỳ.

Thứ ba là, đổi mới cơ chế, tạo nguồn và sử dụng kinh phí cho hoạt động khoa học- công nghệ có hiệu quả cao nhất.

+ Thực hiện đa dạng hoá các nguồn cấp kinh phí cho các hoạt động khoa học và công nghệ theo hướng thực hiện xã hội hoá nguồn kinh phí cho khoa học- công nghệ từ mọi thành phần kinh tế, tuy nhiên kinh phí từ NSNN cấp vẫn là chủ yếu.

+ Hiện nay mức chuẩn quốc gia đầu tư cho hoạt động khoa học- công nghệ là 2,0% tổng chi NS. Tuy nhiên ở Thái Nguyên do đặc điểm cụ thể của Tỉnh nên đầu tư cho hoạt động khoa học mới khoảng 1,0%, phấn đấu đến 2015 phải đạt 1,5% và đến năm 2020 là 2,0% tổng chi ngân sách của Tỉnh.

+ Phải xây dựng được cơ chế thích hợp để sử dụng có hiệu quả nguồn vốn cho hoạt động khoa học- công nghệ phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn. Sử dụng nguồn vốn đó làm sao phải khuyến khích được các đề tài, dự án được thực hiện ở cả những nơi xa xôi, khó khăn; phải có cơ chế tài chính đặc thù, có ưu tiên lớn hơn về mặt tài chính cho cán bộ làm công tác khoa học- công nghệ tại những địa bàn không thuận lợi, kể cả các đề tài, dự án, ứng dụng, tiến bộ kỹ thuật ở những vùng này cũng phải có kinh phí về tài chính lớn hơn...

Phát triển và phát huy tiềm lực khoa học- công

Tài liệu tham khảo:

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI của Đảng. NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội- 2011.
2. UBND tỉnh Thái Nguyên: Báo cáo tình hình kinh tế -xã hội năm 2011- trình HĐND.
3. Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Thái Nguyên: Báo cáo tóm tắt hoạt động khoa học và công nghệ giai đoạn 2010-2012.
4. Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Thái Nguyên: Báo cáo tóm tắt đánh giá 5 năm thực hiện chương trình phát triển khoa học- công nghệ tỉnh Thái Nguyên, giai đoạn 2006- 2010 và chiến lược phát triển KH - CN giai đoạn 2011- 2020.

nghệ của tỉnh.

Thứ nhất là, tăng cường cơ sở vật chất kỹ thuật cho khoa học- công nghệ.

Nâng cấp và trang bị mới các trang thiết bị thí nghiệm cho các cơ sở nghiên cứu và phát triển; chuyển giao công nghệ các trạm, trại, các trạm thí nghiệm, ứng dụng công nghệ mới...

Thứ hai là, khai thác, tận dụng năng lực khoa học- công nghệ trong nước và quốc tế.

Thực hiện đa dạng hoá các mối quan hệ và các hình thức hợp tác nghiên cứu khoa học và triển khai ứng dụng công nghệ. Đầu tư, đúng mục cho hợp tác nghiên cứu và phát triển để các công nghệ mới được ứng dụng, chuyển giao vào đúng địa bàn cần thiết. Vì năng lực khoa học- công nghệ Thái Nguyên còn nhiều hạn chế, nếu không có sự hợp tác, liên kết trong nghiên cứu, ứng dụng và chuyển giao tiến bộ kỹ thuật thì không thể đáp ứng được nhu cầu thực tiễn đặt ra. Tạo môi trường, cơ chế, chính sách thích hợp để thu hút cán bộ khoa học- công nghệ trẻ, các chuyên gia khoa học ngoài tỉnh đến công tác tại Thái Nguyên.

Thứ ba là, phát triển và nâng cao năng lực nguồn nhân lực khoa học- công nghệ của tỉnh. Trước hết là, có cơ chế khuyến khích, huy động, phát huy cao độ tiềm năng của đội ngũ khoa học- công nghệ hiện có của tỉnh. Chú ý tuyển dụng các cán bộ khoa học- công nghệ trẻ, có năng lực và tâm huyết với ngành nghề; nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ quản lý khoa học- công nghệ của tỉnh; xây dựng được một đội ngũ cán bộ quản lý khoa học- công nghệ tinh thông nghiệp vụ, giỏi về ngoại ngữ, am hiểu và tạo dựng được các mối quan hệ, hợp tác quốc tế trong lĩnh vực khoa học- công nghệ; từng bước hình thành thị trường lao động khoa học- công nghệ; thực hiện chính sách tự do, lựa chọn chỗ làm việc hợp lý trên cơ sở hợp đồng của cán bộ khoa học- công nghệ. □